

**BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VIỆT NAM VÀO CUỐI
THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX TRƯỚC KHI HỒ CHÍ MINH RA ĐI
TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC; Ý CHÍ VÀ QUYẾT TÂM
ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA NGƯỜI**

*Thạc sĩ Phan Văn Thuận
Trưởng khoa Xây dựng Đảng*

Kính thưa...!

Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự phấn đấu, hy sinh cho độc lập và thống nhất của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân ta. Đúng là phải có tinh thần yêu nước sâu sắc, có tâm, có đức mới có thể “hy sinh tất cả chỉ quên mình”, nhưng cũng cần phải có ý chí và nghị lực phi thường mới có thể vượt qua những “rào cản” của tư tưởng chính trị phong kiến, những hạn chế của tư tưởng tư sản và những bài học thất bại của các bậc tiền bối để Người có thể ra đi tìm con đường đúng đắn và cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Điều đó được bắt đầu bằng bước ngoặt lịch sử cách đây tròn 100 năm.

Kính thưa...!

Giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là giai đoạn lịch sử Việt Nam có những biến đổi hết sức to lớn. Thực dân Pháp xâm lược và biến nước ta từ một nước độc lập thành một nước thuộc địa nửa phong kiến với yêu cầu bức thiết và cháy bỏng là: “Độc lập dân tộc và người cày có ruộng”. Chế độ phong kiến Việt Nam cùng với hệ tư tưởng Nho giáo ngày càng tỏ ra bất lực trước yêu cầu của công cuộc chống ngoại xâm vì nền độc lập dân tộc. Trong nội bộ giai cấp địa chủ phong kiến có sự phân hóa sâu sắc. Triều đình nhu nhược, cam chịu làm tay sai cho thực dân. Vì vậy các phong trào đấu tranh của nhân dân ta theo ý thức hệ phong kiến (tiêu biểu là phong trào Văn Thân và phong trào Cần Vương) lần lượt đều bị thất bại.

Vào giai đoạn này, chủ nghĩa tư bản đã từ giai đoạn tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc và đã xác lập được sự thống trị trên phạm vi thế giới. Phần lớn các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh đã trở thành thuộc địa và phụ thuộc của chúng. Chủ nghĩa đế quốc vừa tranh giành xâu

xé, vừa cấu kết với nhau để nô dịch các dân tộc nhỏ bé. Cùng với những mâu thuẫn cơ bản trong xã hội tư bản - mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và tư sản, chủ nghĩa đế quốc làm phát sinh mâu thuẫn mới - mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc thực dân. Đời sống nhân dân ở các nước thuộc địa và phụ thuộc vô cùng cực khổ, trong đó có nhân dân Việt Nam dưới xiềng xích của chế độ thực dân Pháp. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc bắt đầu phát triển và có xu hướng lan rộng.

Ở nước ta, sau khi Triều đình nhà Nguyễn bạc nhược ký “hòa ước” đầu hàng, những năm cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp bắt tay vào khai thác thuộc địa lần thứ nhất. Xã hội Việt Nam bắt đầu có những biến chuyển và phân hóa sâu sắc. Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản Pháp đã làm nảy sinh trong xã hội Việt Nam hai giai cấp mới: Giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Sự tác động của tư tưởng tiến bộ ở phương Tây cũng như cuộc cách mạng Tân Hợi và cuộc vận động cải cách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu ở Trung Quốc cũng có ảnh hưởng lớn đến Việt Nam, nhất là quá trình chuyển biến về tư tưởng chính trị.

Trong bối cảnh đó, một số nhà tư tưởng tiêu biểu, từ Phạm Phú Thứ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch,... đến Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh,... đã thực hiện một bước chuyển tư tưởng chính trị có ý nghĩa lịch sử to lớn. Những nội dung tư tưởng dân chủ tư sản của các ông đã tạo nên bước chuyển biến quan trọng trên bình diện ý thức hệ: Từ sự xuất hiện tư tưởng canh tân trong khuôn khổ hệ tư tưởng phong kiến sang tư tưởng dân chủ tư sản và tiến gần đến chủ nghĩa Mác-Lênin. Tư tưởng chính trị này là sự tiếp thu những giá trị, những tinh hoa của phương Đông và phương Tây, đặc biệt là tư tưởng dân chủ, tiến bộ phương Tây. Mặc dù có những nội dung mới, cách mạng và tiến bộ, thể hiện tinh thần yêu nước nhiệt tình, căm thù giặc cao độ nhưng do điều kiện, hoàn cảnh lúc bấy giờ, trong tư tưởng chính trị giai đoạn này có những biểu hiện dao động, mơ hồ, thậm chí có lúc đi đến thỏa hiệp với thực dân.

Từ sự phê phán hệ tư tưởng phong kiến, các nhà dân chủ tư sản đã đề xuất tư tưởng canh tân vào cuối thế kỷ XIX và sau đó, khởi xướng tư tưởng dân chủ tư sản ở nước ta vào đầu thế kỷ XX, tạo nên ảnh hưởng lớn đối với xã hội Việt Nam, làm dấy lên các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân ta diễn ra đa dạng, sôi nổi, nhất là phong trào có khuynh hướng dân chủ tư sản như phong

trào Đông Du (Phan Bội Châu), Đông Kinh Nghĩa Thục (Lương Văn Can, Nguyễn Quyền), Duy Tân (Phan Chu Trinh)...

Các phong trào yêu nước chống Pháp trên lập trường tư tưởng Dân chủ tư sản cũng như lập trường tư tưởng Nho giáo phong kiến trước kia đều thất bại. Nguyên nhân sâu xa là do thiếu đường lối chính trị đúng đắn, khoa học, thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến. Cách mạng Việt Nam đứng trước cuộc khủng hoảng trầm trọng về đường lối cứu nước. Tuy phong trào cách mạng dân chủ tư sản thất bại nhưng con người, tư tưởng đổi mới của nó vẫn có ý nghĩa nhất định đối với sự nghiệp cứu nước, cứu dân sau này. Trên mảnh đất ấy, Nguyễn Ái Quốc đã gieo mầm chủ nghĩa Mác-Lênin và là người hoàn thành bước chuyển tư tưởng chính trị trong giai đoạn lịch sử đặc biệt này vào những năm 20-30 của thế kỷ XX. Cho nên, có thể nói, tư tưởng chính trị cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX là một bước chuyển, là khâu trung gian để chuyển từ hệ tư tưởng phong kiến sang hệ tư tưởng vô sản. Vượt qua những hạn chế đó là yêu cầu và đòi hỏi căn bản cho sự phát triển của xã hội Việt Nam. Người đã vượt qua những hạn chế và tầm nhìn của lịch sử để thực hiện bước chuyển đó chính là Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Nguyễn Tất Thành sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống yêu nước, thương dân, một địa phương có truyền thống văn hóa “địa linh, nhân kiệt”. Từ lúc tuổi còn nhỏ, Người sớm được tiếp cận với các tư tưởng lớn của phương Đông, hấp thụ vốn văn hóa truyền thống của dân tộc, Hán học và bước đầu tiếp xúc với văn hoá phương Tây. Chứng kiến cảnh khổ cực của người dân mất nước, tinh thần đấu tranh bất khuất của cha anh, Người càng nung nấu thêm lòng yêu nước, thương dân sâu sắc và hun đúc những hoài bão lớn lao. Vốn có tư chất thông minh, tinh thần ham học hỏi, khả năng tư duy độc lập, tính ham hiểu biết và nhạy bén với cái mới, Nguyễn Tất Thành rất khâm phục tinh thần yêu nước của các sĩ phu, văn thân, chí sĩ xả thân vì nước nhưng Người không tán thành đường lối cứu nước của các bậc tiền bối. Tư tưởng yêu nước của Nguyễn Tất Thành tuy lúc đó chưa gặp chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa xã hội nhưng đã thể hiện tầm vóc vượt trước quan điểm cứu nước đương thời. Người cho rằng, chủ trương của cụ Phan Chu Trinh yêu cầu người Pháp thực hiện cải cách chẳng

khác gì “đến xin giặt rửa lòng thương”; chủ trương của cụ Phan Bội Châu nhờ Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp chẳng khác nào “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”, chủ trương của cụ Hoàng Hoa Thám tuy thực tế hơn nhưng không có hướng thoát rõ ràng, “còn mang nặng cốt cách phong kiến”. Vì vậy, Người quyết tìm con đường cứu nước mới.

Thất bại của các cụ Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh ...nói lên một sự thật lịch sử là: Không thể cứu nước trên lập trường phong kiến hay lập trường của giai cấp tư sản, tiểu tư sản. Các đường lối và phương pháp này đều không đáp ứng được yêu cầu giải phóng dân tộc trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc đã trở thành hệ thống thế giới. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đang đòi hỏi được đổi mới, đó là một nhu cầu cấp thiết của dân tộc lúc bấy giờ. Đó chính là những lý do Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi và chọn nước Pháp, chọn châu Âu làm điểm đến đầu tiên trong cuộc hành trình đi tìm đường cứu nước cách đây tròn 100 năm.

Hai mươi một tuổi, Người ra đi, từ bến cảng Nhà Rồng, tìm một con đường mới cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Với tên gọi “Văn Ba”, người thanh niên Nguyễn Tất Thành nung nấu một quyết tâm cháy bỏng: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”. Khi nhiều người đang ngoảnh nhìn về phương Đông với sự ngưỡng mộ “người anh cả da vàng” Nhật Bản - một đế quốc mới ở châu Á - đã chiến thắng nước Nga Sa hoàng năm 1905, hay ngưỡng vọng bác sĩ Tôn Dật Tiên với chủ nghĩa “Tam dân” nổi tiếng và cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc thì Nguyễn Tất Thành tìm đường sang phương Tây, đến nước Pháp, đến nơi sản sinh ra những lời đẹp đẽ: “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” đã từng làm rung động lòng mình khi còn ở tuổi thiếu niên. Người ra đi và muốn đến tận nơi sinh ra những lý tưởng cao đẹp đó để tìm hiểu xem thực chất của khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” trong bản “Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền” của đại cách mạng Pháp.

Với sự nhạy cảm chính trị đặc biệt của một lãnh tụ thiên tài, với hai bàn tay trắng và một nghị lực phi thường, Người xuống tàu Pháp sang “*mẫu quốc*” để tìm hiểu sự thật về sự “*khai hóa văn minh*” ở Việt Nam của người Pháp, tìm xem

“nước Pháp và các nước khác *làm như thế nào* để về giúp đồng bào ta”...Người đi là để tìm ra một con đường giải phóng cho dân tộc, cứu lấy giống nòi. Hai mươi hai tuổi, đi vòng quanh và đặt chân lên nhiều vùng đất ở châu Phi, Người vẫn chỉ thấy cảnh nô lệ và bần hàn, đói khát và tủi nhục, áp bức và bất công. Hai mươi ba tuổi, từ những câu hoa mỹ trong bản “Tuyên ngôn độc lập” của nước Mỹ, Người đến Hoa Kỳ, đã sống ở NewYork hoa lệ và những ngôi nhà ổ chuột ở khu Héclem, vừa lao động kiếm sống, vừa học tập và tìm hiểu sự thật của những lời hoa mỹ ấy. Sự thật của cái gọi là “Tự do” tại đất nước được mệnh danh là số một của “Tự do” thật phũ phàng khi Người nhận thấy: “Ánh sáng trên đầu Thần Tự do tỏa rộng khắp trời xanh, còn dưới chân tượng thần, người da đen đang bị nô lệ, các dân tộc bị áp bức đang bị nô lệ, người phụ nữ đang bị nô lệ”. Đầu năm 1919, Người tham gia Đảng Xã hội Pháp, tiếp cận với chủ nghĩa Mác-Lênin và tìm thấy chân lý giải phóng dân tộc từ bản “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” của V.I.Lênin. Tháng 12 năm 1920, Người tham gia Đảng Cộng sản Pháp với tư cách là thành viên sáng lập rồi tìm đường về nước, “đi vào quần chúng thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ và đưa họ ra đấu tranh” giành độc lập dân tộc.

Vì vậy, có thể khẳng định rằng: Từ yêu cầu của lịch sử, từ ý chí và quyết tâm của Người đã dẫn tới sự gặp gỡ lịch sử: Sự gặp gỡ tư tưởng yêu nước Nguyễn Ái Quốc và tư tưởng V.I.Lênin - chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa Mác-Lênin. Điều đó phản ánh và đáp ứng những nhu cầu đang đặt ra của lịch sử là xác định một con đường đúng đắn cho cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam nói riêng và các dân tộc thuộc địa nói chung. Những năm tháng bôn ba ở nước ngoài, không có khó khăn, gian khổ nào ngăn được quyết tâm cháy bỏng của Người; không có sự giàu sang phú quý nào mua chuộc được Người; không có uy vũ nào làm lung lay ý chí cứu nước của Người. Những năm tháng ấy, Bác “*được*” Bộ Thuộc địa Pháp và cảnh sát Pháp “*chăm sóc*” khá đặc biệt. Albert Sarraut - Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp đã từng hai lần gọi Bác lên gặp và từ hăm dọa đến mua chuộc nhưng những câu trả lời của Bác vẫn khẳng định chân lý của cả cuộc đời Người: Cảm ơn ông, những cái tôi cần đó là độc lập cho Tổ quốc tôi, tự do cho đồng bào tôi, ông không thể cho tôi được...

Kính thưa...!

Kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, chúng ta ôn lại tuổi trẻ của Người, tuổi trẻ của một nghị lực, của một quyết tâm cháy bỏng và ý chí phi thường nhưng hết sức chân thực và cụ thể để tìm một con đường giải phóng cho dân tộc. Cách đây tròn 100 năm, cả dân tộc lúc đó còn đang rên xiết dưới ách thực dân. Tất cả các con đường giải phóng đều bế tắc. Vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách của thời cuộc, những hạn chế của lịch sử, Bác đã đi, đã tìm, đã hy sinh cả tuổi trẻ của mình và đã tìm thấy con đường đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin, con đường giải phóng chân chính cho dân tộc, con đường định hướng cho nhân loại tiến bộ. Từ ý chí và nghị lực của tuổi trẻ, từ sự thôi thúc của lòng yêu nước cháy bỏng, từ yêu cầu bức thiết của đất nước và dân tộc, Người đã đi, đã học tập và tìm hiểu không ngại nghỉ để gom góp, tích lũy trí tuệ, tinh hoa của nhân loại nhằm phục vụ cho sự nghiệp giải phóng quê hương. Người đã sống và cống hiến cho dân tộc, đất nước, sự nghiệp này cả cuộc đời mình. Con đường Người tìm ra cho dân tộc ta là con đường cách mạng vô sản, là trí tuệ, là đạo đức, là văn minh, con đường để “nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Hôm nay, từ ý chí và nghị lực, từ quyết tâm và lòng dũng cảm, từ hoài bão và di sản tư tưởng của Người...; chúng ta tin tưởng rằng: Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và sự “đoàn kết một lòng” của “toàn Đảng, toàn dân”, chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, thách thức để phấn đấu xây dựng nước Việt Nam “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” đường hoàng “sánh vai với các cường quốc năm châu” như Người mong ước.